



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ BÌNH



ĐẠI HỌC
HÀ BÌNH

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 670/QĐ-ĐHNB ngày 25 tháng 07 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Bình)*

Tên chương trình :	Điều dưỡng
Trình độ đào tạo :	Đại học
Ngành đào tạo :	Điều dưỡng
Mã ngành đào tạo :	7720301
Loại hình đào tạo :	Chính quy

HÀ NỘI, 2024

Số: 670/QĐ-ĐHHB

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng
trình độ đại học hệ chính quy năm 2024**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÒA BÌNH

Căn cứ Quyết định số 244/QĐ-TTg ngày 28/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Hòa Bình;

Căn cứ Quyết định số 16/2024/QĐ-HĐT ngày 28/5/2024 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hòa Bình;

Căn cứ Quyết định số 03/2020/QĐ-HĐT ngày 01/10/2020 của Hội đồng trường về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Hòa Bình nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Thông tư số 02/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ngày 19/7/2024 về việc Thông qua chương trình đào tạo và bản mô tả chương trình đào tạo điều chỉnh từ năm 2024 trở đi;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học và Sau Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo (kèm theo bản mô tả chương trình đào tạo và bộ đề cương chi tiết học phần) theo hệ thống tín chỉ ngành Điều dưỡng trình độ đại học chính quy năm 2024, mã số 7720301.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho khóa K17 tuyển sinh năm 2024 trở đi.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo Đại học và Sau Đại học, Trưởng phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng, Trưởng khoa Y, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- CT HĐT (để b/c);
- Các Phó HT;
- Như Điều 3;
- Lưu VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

NGND.PGS.TS. Tô Ngọc Hưng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÒA BÌNH



ĐẠI HỌC
HÒA BÌNH

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 670/QĐ-ĐHQB ngày 25 tháng 07 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hòa Bình)*

Tên chương trình	:	Điều dưỡng
Trình độ đào tạo	:	Đại học
Ngành đào tạo	:	Điều dưỡng
Mã ngành đào tạo	:	7720301
Loại hình đào tạo	:	Chính quy

HÀ NỘI, 2024

MỤC LỤC

1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo	3
1.2. Thông tin chung	3
2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
2.1. Triết lý giáo dục của trường Đại học Hòa Bình	3
2.2. Tầm nhìn và sứ mạng của Trường Đại học Hòa Bình.....	8
2.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo	8
3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	9
4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP	12
5. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	12
6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	15
6.1. Cấu trúc chương trình đào tạo	15
6.2. Danh sách học phần	21
6.3. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT	25
6.4. Kế hoạch dạy học.....	29
6.5. Chiến lược giảng dạy – học tập	32
6.6. Chiến lược và phương pháp đánh giá	35
6.7. Sơ đồ tiến trình đào tạo	36
7. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN.....	37
8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH.....	53
8.1. Những căn cứ xây dựng và phát triển CTĐT:.....	53
8.2 Hướng dẫn sinh viên định hướng hoàn thành chương trình:	54
8.3. Trách nhiệm của Bộ môn/Khoa/Trường.....	54
8.4. Trách nhiệm của giảng viên/CVHT, sinh viên.....	55

1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học ngành Điều dưỡng được điều chỉnh lần thứ nhất vào năm 2019, lần thứ 2 vào năm 2022 và lần thứ 3 vào năm 2024 nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo đại học, thực hiện các chương trình đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam. Chương trình đào tạo đại học ngành Điều dưỡng được kế thừa từ chương trình đào tạo trước đó và được bổ sung, phát triển để đáp ứng với yêu cầu mới của giáo dục đại học, của người học và của các bên liên quan.

Đào tạo cử nhân điều dưỡng có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề theo chuẩn năng lực điều dưỡng trình độ đại học Việt Nam đáp ứng yêu cầu công việc, thích ứng với sự phát triển không ngừng của khoa học sức khỏe, công nghệ và hội nhập Quốc tế

1.2. Thông tin chung

- Tên ngành đào tạo:
- + Tên tiếng Việt: Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng trình độ Đại học
- + Tên tiếng Anh: Bachelor's Degree Nursing Program
- Mã ngành đào tạo: 7720301
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Cử nhân Điều dưỡng
 - + Tiếng Anh: Bachelor of Nursing
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Y
- Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Hòa Bình
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt
- Thông tin tuyển sinh:
 - + Đối tượng tuyển sinh: Tiêu chuẩn nhập học chương trình dựa trên các hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và các yêu cầu của trường Đại học Hoà Bình và được quy định hàng năm. Thông tin thêm về các tiêu chí tuyển sinh được cập nhật của chương trình có thể được tìm thấy tại website: <http://daihochoabinh.edu.vn>
 - + Phương thức tuyển sinh: Chuẩn đầu vào: Theo tiêu chí tuyển sinh hằng năm tại website: <http://daihochoabinh.edu.vn>
- Điều kiện tốt nghiệp:
 - + Tích lũy đủ số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
 - + Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
 - + Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Triết lý giáo dục của trường Đại học Hòa Bình

“Chất lượng - Hội nhập - Sáng tạo”.

Chất lượng là đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan và các chuẩn kiểm định trong nước và quốc tế về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, lấy chất lượng để xây dựng uy tín của Nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục để người học “học thật, thi thật, chất lượng thật”.

Hội nhập là đối sánh và tiếp thu những thành tựu Khoa học - Công nghệ mới, cách tiếp cận dạy, học và kỹ năng quản trị Đại học tiên tiến trong và ngoài nước nhằm liên tục nâng cao chất lượng.

Sáng tạo là có phong cách học tập và làm việc năng động, thích ứng nhanh với thị trường lao động và việc làm luôn biến động trong xã hội, để người học trở thành “nhân tài thật”.

Triết lý giáo dục đó của trường Đại học Hòa Bình được truyền tải một cách cụ thể vào chương trình đào tạo và được thể hiện ở Bảng 1 như sau:

	Hóa sinh	X	X	X
	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	X	X	X
	Dược lý	X	X	X
	Dịch tễ học	X	X	X
	Pháp luật tổ chức y tế	X	X	X
	2. Kiến thức chuyên ngành			
	Dinh dưỡng tiết chế và vệ sinh an toàn thực phẩm	X	X	X
	Tiếng anh chuyên ngành	X	X	X
	Y học cổ truyền	X	X	X
	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng	X	X	X
	Điều dưỡng cơ sở 1	X	X	X
	Điều dưỡng cơ sở 2	X	X	X
	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	X	X	X
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1	X	X	X
	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1	X	X	X
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2	X	X	X
	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2	X	X	X
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1	X	X	X
	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1	X	X	X
	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2	X	X	X
	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2	X	X	X
	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	X	X	X
	Thực hành chăm sóc sức khỏe trẻ em	X	X	X
	Quản lý điều dưỡng	X	X	X
	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	X	X	X
	Thực hành chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	X	X	X
	Chăm sóc sức khỏe người bệnh tâm thần	X	X	X
	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	X	X	X
	Chăm sóc sức khỏe người có bệnh truyền nhiễm	X	X	X

Kiến thức trong chương trình đào tạo

	Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng	X	X	X
3. Sinh viên chọn 2 trong 4 học phần				
Phương pháp nghiên cứu khoa học y học		X	X	X
Điều dưỡng tham họa		X	X	X
Các chương trình y tế quốc gia		X	X	X
Sức khỏe môi trường - Nâng cao sức khỏe và hành vi con người		X	X	X
4. Khóa luận tốt nghiệp/Đồ án...				
Thực tập tốt nghiệp		X	X	X
Sinh viên thực hiện 1 trong 2 hình thức				
Khóa luận tốt nghiệp		X	X	X
Học phần thay thế				
Chăm sóc người bệnh Nội khoa – Nhi khoa nâng cao		X	X	X
Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa – Sản khoa nâng cao		X	X	X
PL01.1 Kiến thức đại cương		X	X	X
PL01.2 Kiến thức cơ sở ngành và ngành		X	X	X
PL01.3 Kiến thức chuyên ngành		X	X	X
PL01.4 Kiến thức thực tập tốt nghiệp		X	X	X
PL02.1 Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề		X	X	X
PL02.2 Kỹ năng nghề nghiệp		X	X	X
PL02.3 Kỹ năng và phẩm chất trong nghề nghiệp		X	X	X
PL03.1 Thái độ		X	X	X
PL03.2 Giao tiếp		X	X	X
PL03.3 Chịu trách nhiệm		X	X	X
Kiến thức trong chương trình đào tạo				
Chương trình đào tạo				
Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)				

2.2. Tầm nhìn và sứ mạng của Trường Đại học Hòa Bình

2.2.1. Tầm nhìn

Đến năm 2045 trở thành một Đại học đa ngành, đa lĩnh vực hàng đầu của Việt Nam, có thứ hạng cao trong hệ thống giáo dục đại học khu vực và toàn cầu; là trung tâm xuất sắc về đào tạo công nghệ cao, khoa học sức khỏe, kinh tế số, phát triển bền vững; là trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ uy tín trong nước và quốc tế.

2.2.2. Sứ mạng

- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có nền tảng kiến thức vững chắc, có năng lực đổi mới sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc toàn cầu, có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng, xã hội và toàn nhân loại, góp phần xây dựng Việt Nam phồn vinh, đậm đà bản sắc dân tộc;

- Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các lĩnh vực khoa học và công nghệ tiên tiến phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

- Mở rộng hợp tác quốc tế với các trường đại học hàng đầu của thế giới và khu vực, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước và quốc tế.

2.2.3. Giá trị cốt lõi

Giáo dục đào tạo để phát triển toàn diện con người trong kỷ nguyên số.

2.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo và cung cấp nhân lực điều dưỡng chất lượng cao dựa trên nền tảng đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hợp tác quốc tế và thực hành nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập, đồng thời góp phần tạo ra những giá trị mới đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Đào tạo cử nhân điều dưỡng có hiểu biết về chính trị, xã hội, pháp luật, có tư cách, đạo đức tốt, có trách nhiệm và yêu nghề; Có kiến thức khoa học cơ bản vững chắc, có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề nghiệp theo ‘Chuẩn năng lực điều dưỡng’ ở trình độ đại học; có sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc, có khả năng làm việc độc lập; Có năng lực nghiên cứu và cải tiến kỹ thuật điều dưỡng, lãnh đạo và khởi nghiệp; Có tinh thần trách nhiệm, tác phong thận trọng, chính xác, chân thành, hợp tác với đồng nghiệp, có khả năng tự học, tự hoàn thiện và sáng tạo để thích ứng với sự phát triển không ngừng của khoa học sức khỏe, công nghệ và hội nhập quốc tế.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp ngành Điều dưỡng có thể:

MT1 - Về kiến thức: Có đủ kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học chính trị và pháp luật làm nền tảng để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp; Có kiến thức, hiểu biết sâu rộng về cơ sở ngành và chuyên ngành phân tích đánh giá và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực điều dưỡng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân.

MT2 - Về kỹ năng thực hành nghề nghiệp: Có khả năng thực hành tốt các kỹ năng nghề nghiệp đạt “Chuẩn năng lực điều dưỡng trình độ đại học” theo quy định của Bộ Y tế. có khả năng nghiên cứu - ứng dụng khoa học điều dưỡng vào thực hành nghề nghiệp.

MT3 - Về Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm: Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, lãnh đạo, phát hiện và giải quyết vấn đề, tư duy, phản biện, sáng tạo; sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin tốt.

MT4 - Về Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm: Có đủ năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm để làm việc độc lập hoặc tham gia các hoạt động nhóm để thực hiện các công việc mình đảm trách trong khuôn khổ tuân thủ các quy định, quy tắc và định hướng chung. Có đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng pháp luật, có trách nhiệm với xã hội và môi trường.

3. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bảng 2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra	Mô tả Chuẩn đầu ra	Mức năng lực
Kiến thức (PLO1)		
PLO1.1	Kiến thức đại cương	
	Vận dụng được các kiến thức khoa học chính trị, pháp luật, khoa học tự nhiên(Toán học, Hóa học...) vào việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước trong công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân và làm cơ sở tiếp thu kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành điều dưỡng.	K2, K3
PLO1.2	Kiến thức cơ sở ngành và ngành	
	Ứng dụng được các kiến thức cơ sở ngành khoa học y sinh như hoá sinh, vi sinh KST, dược lý, lý sinh y học, tâm lý học Đạo đức Y học... vào chăm sóc sức khỏe nhân dân	K3,K4
PLO1.3	Kiến thức chuyên ngành	
PLO1.3.1	Ứng dụng được kiến thức về các kỹ thuật điều dưỡng và nghiên cứu khoa học trong thực hành chăm sóc người bệnh	K4
PLO1.3.2	Phân tích được kiến thức về chăm sóc sức khoẻ người lớn có bệnh nội khoa, chuyên khoa về nội và có bệnh ngoại khoa, chuyên khoa về ngoại. Phân tích được kiến thức về chăm sóc sức khoẻ trẻ em, phụ nữ bà mẹ và gia đình	K4
PLO1.4	Kiến thức thực tập tốt nghiệp	
PLO1.4.1	Phân tích được kiến thức về chăm sóc sức khoẻ người lớn có bệnh nội khoa, ngoại khoa nâng cao	K3,K4
PLO1.4.2	Phân tích được chuẩn năng lực điều dưỡng, từng bước hội nhập CNL khu vực và quốc tế Cập nhật, đánh giá được những vấn đề mới trong chăm sóc cũng như các vấn đề liên quan làm cơ sở cho việc nâng cao, phát triển bền vững của ngành điều dưỡng	K3,K4
PLO1.4.3	Phân tích được các vấn đề về sức khỏe bệnh tật của cá nhân, gia đình và cộng đồng, sự tác động qua lại giữa môi trường kinh tế, văn hóa, xã hội với công tác điều dưỡng	K3-K4
Kỹ năng (PLO2)		
PLO2.1	Kỹ năng nghề nghiệp	
PLO2.1.1	Thể hiện được đầy đủ và thành thạo các kỹ thuật chăm sóc điều dưỡng (theo chuẩn năng lực của cử nhân điều dưỡng Việt Nam), lập kế hoạch thực hiện và tổ chức thực hiện quy trình điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh; đảm bảo an toàn,	S3,S4

	chất lượng trong chăm sóc toàn diện,	
PLO2.1.2	Thể hiện chính xác một số kỹ năng phòng bệnh và phát hiện sớm các dịch bệnh tại địa phương, đề xuất các biện pháp phối hợp để phòng chống dịch; Thực hiện được tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng;	S3,S4
PLO2.1.3	Áp dụng được một số kỹ thuật Y học cổ truyền, PHCN vào công tác chăm sóc và phòng bệnh;	S3,S4
PLO2.1.4	Đánh giá được kết quả của quá trình chăm sóc và điều chỉnh kế hoạch chăm sóc dựa vào tình trạng sức khỏe người bệnh và kết quả mong đợi	S3,S4
PLO2.2	Kỹ năng và phẩm chất trong nghề nghiệp	
PLO2.2.1	Hình thành được kỹ năng tự học tập, không ngừng tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn; đáp ứng yêu cầu của tiến bộ khoa học trong y học.	S3,S4
PLO2.2.2	Sử dụng tiếng Anh hoặc một ngoại ngữ khác ở mức độ cơ bản để giải quyết công việc trong hoạt động chăm sóc người bệnh Ứng dụng được phần mềm tin học văn phòng, các ứng dụng và công cụ trực tuyến trong hoạt động chăm sóc người bệnh	S3,S4
Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm (PLO3)		
PLO3.1	Hợp tác tốt với các thành viên nhóm chăm sóc trong việc theo dõi, chăm sóc, điều trị người bệnh và thực hiện nhiệm vụ được giao.	A2,A3
PLO3.2	Thể hiện thái độ tích cực với những đổi mới và những quan điểm trái chiều; thể hiện sự lắng nghe các kiến nghị và đề xuất, thử nghiệm những phương pháp mới và thích nghi với những thay đổi	A3,A4
PLO3.3	Thực hiện đầy đủ 12 điều Y đức; tuân thủ đúng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp Điều dưỡng viên theo quy định, theo luật pháp, chính sách của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân	A2, A3
PLO3.4	Sử dụng được các phương pháp, hình thức giao tiếp hiệu quả và thích hợp với người bệnh, người nhà người bệnh và các nhân viên y tế khác	A3,A4
PLO3.5	Thiết lập được môi trường làm việc an toàn và hiệu quả. Triển khai được công tác chăm sóc, thực hiện được kế hoạch cũng như cải tiến chất lượng để giải quyết các vấn đề trong chăm sóc một cách chính xác; sáng tạo và hiệu quả. Tổ chức được học tập, nghiên cứu ca bệnh và cuộc họp.	A3,A4

Bảng 3 Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu đào tạo	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo										
	1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	3.4	3.5
Kiến thức	x	x	x	x							
Kỹ năng thực hành nghề nghiệp					x	x					
Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm					x	x					
Năng lực quản lý và phát triển nghề nghiệp							x	x	x	x	x

Bảng 4. Quan hệ giữa chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia

TT	Kiến thức					Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO1.1		x	x												
PLO1.2			x	x											
PLO1.3				x											
PLO1.4				x											
PLO2.1								x	x						
PLO2.2								x	x						
PLO3.1													x	x	
PLO3.2														x	x
PLO3.3													x	x	
PLO3.4														x	x
PLO3.5														x	x

4. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Điều dưỡng viên, điều dưỡng trưởng tại các cơ sở y tế (bệnh viện tuyến trung ương, tuyểntỉnh, tuyểnhuyện; các trạm y tế xã, phường) trong và ngoài nước.
- Giảng viên trong các cơ sở đào tạo nhân lực Y tế (các trường đại học, cao đẳng).
- Nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu lĩnh vực khoa học sức khỏe, cán bộ dự án tại các dự án y tế
- Điều dưỡng viên trong các Trung tâm dưỡng lão, phòng khám, phòng y tế cơ quan, xí nghiệp, trường học...
- Lao động trong các cơ sở y tế, viện dưỡng lão nước ngoài

5. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.
- Trường Đại học Phenika.
- Trường Đại học Y Dược – Đại học Thái Nguyên.
- Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch.
- The University of Sydney.

STT	Nội dung so sánh	Đại Học Hòa Bình (2024)	Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (2022)	Trường Đại học Phenika (2024)	Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên	The University of Sydney
1	Thời gian đào tạo	4 năm	4 năm	4 năm	4 năm	4 năm	3 năm
2	Khối lượng kiến thức toàn khóa	134	143	132	147	134	144
3	Cấu trúc chương trình						
3.1	Kiến thức giáo dục đại cương	29	31	21	33	30	30
3.1.1	Kiến thức bắt buộc	29	31	21	33	30	30
3.1.2	Kiến thức tự chọn	0	0	0	0	0	0
3.2	Kiến thức giáo dục cơ sở ngành và ngành	30	21	37	25	33	48
3.2.1	Kiến thức bắt buộc	21	21	37	21	33	48
3.2.2	Kiến thức tự chọn	0	0	0	4	0	0
3.3	Kiến thức bổ trợ	0	0	0	6	0	0
3.4	Kiến thức chuyên ngành	65	79	62	71	67	66
3.4.1	Kiến thức bắt buộc	55	69	58	63	63	66
3.4.2	Kiến thức tự chọn	4	10	4	8	4	0
3.5	Thực tập, khóa luận tốt nghiệp	10	12	12	12	4	0
3.5.1	Thực tập tốt nghiệp	4	4	4	4	4	0

3.5.2	Khóa luận tốt nghiệp	6	8	8	8	0	0
	Tổng	134	143	132	147	134	144
	<i>Nội hàm chương trình đào tạo</i>	<p>Khối kiến thức chung: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>Khối kiến thức chuyên nghiệp: Có đầy đủ các học phần cốt lõi trong CTĐT cử nhân đại học.</p> <p>Hướng đào tạo: Đào tạo cử nhân điều dưỡng có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp theo</p>	<p>Khối kiến thức chung: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>Khối kiến thức chuyên nghiệp: Có đầy đủ các học phần cốt lõi trong CTĐT cử nhân đại học.</p> <p>Hướng đào tạo: Đào tạo cử nhân điều dưỡng có năng lực nghề nghiệp theo pháp luật ở trình độ đại học, làm việc độc lập phối hợp tự học và nghiên cứu khoa</p>	<p>Khối kiến thức chung: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>Khối kiến thức chuyên nghiệp: Có đầy đủ các học phần cốt lõi trong CTĐT cử nhân đại học.</p> <p>Hướng đào tạo: Đào tạo nguồn nhân lực điều dưỡng Việt Nam ở trình độ đại học có kiến thức, kỹ năng đạo đức nghề nghiệp tốt để thực hiện công tác chăm sóc bảo vệ, nâng cao sức khỏe cho</p>	<p>Khối kiến thức chung: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>Khối kiến thức chuyên nghiệp: Có đầy đủ các học phần cốt lõi trong CTĐT cử nhân đại học.</p> <p>Hướng đào tạo: Đào tạo cử nhân điều dưỡng có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp theo</p>	<p>Khối kiến thức chung: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>Khối kiến thức chuyên nghiệp: Có đầy đủ các học phần cốt lõi trong CTĐT cử nhân đại học.</p> <p>Hướng đào tạo: Đào tạo điều dưỡng đại học.</p> <p>Hướng đào tạo: Cho phép sinh viên phát triển nghề nghiệp điều dưỡng theo hướng chuyên nghiệp, toàn</p>	<p>Khối kiến thức chung: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>Khối kiến thức chuyên nghiệp: Có đầy đủ các học phần cốt lõi trong CTĐT điều dưỡng đại học.</p> <p>Hướng đào tạo: Cho phép sinh viên phát triển nghề nghiệp điều dưỡng theo hướng chuyên nghiệp, toàn</p>

		<p>chuẩn năng lực điều dưỡng trình độ đại học đáp ứng yêu cầu công việc, thích ứng với sự phát triển không ngừng của khoa học sức khỏe, công nghệ và hội nhập Quốc tế.</p>	<p>học, quản lý và phát triển nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu chăm sóc</p>	<p>bệnh nhân cũng như cả cộng đồng.</p>	<p>chuẩn năng lực điều dưỡng trình độ đại học đáp ứng yêu cầu công việc, thích ứng với sự phát triển không ngừng của khoa học sức khỏe, công nghệ và hội nhập Quốc tế.</p>	<p>Nam, chăm sóc sức khỏe toàn diện cho cá nhân, gia đình, cộng đồng một cách an toàn, kịp thời, liên tục và hiệu quả, có năng lực nghiên cứu khoa học, tự học, sẵn sàng thích ứng với thay đổi nhu cầu chăm sóc sức khỏe của cộng đồng và hội nhập quốc tế.</p>	<p>diện, chú trọng kỹ năng tự chủ, tự chịu trách nhiệm, lãnh đạo theo xu hướng đào tạo của Quốc tế. - Khác CTĐT + Trong năm học cuối cùng sinh viên có thể chọn một chuyên ngành tự chọn về lâm sàng như Nhi khoa, Chăm sóc đặc biệt, phẫu thuật chu phẫu, chăm sóc giảm nhẹ, ma túy và rượu hoặc điều dưỡng</p>
--	--	--	--	---	--	--	--

							sức khỏe tâm thần. + Thời gian học 3 năm nếu học toàn thời gian và 6 năm nếu bán thời gian
--	--	--	--	--	--	--	---

Nhận xét chung:

- **Khối kiến thức chung:** Trong CTĐT của 5 trường Đại học đào tạo Điều dưỡng Đại học tại Việt Nam (Bao gồm: Trường Đại học Hòa Bình, Trường Đại học điều dưỡng Nam Định, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch, Trường Đại học PheNiKa, Trường Đại học Thái Nguyên) và 01 Trường Đại học ở nước ngoài (Trường Đại học Sydney) có nội dung tương đương như nhau.

- **Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:** Các học phần, môn học cốt lõi trong CTĐT điều dưỡng Đại học của 5 trường đều tương đương như nhau. Hướng đào tạo điều dưỡng trình độ đại học có năng lực thực hành nghề nghiệp, đáp ứng chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam, chăm sóc sức khỏe toàn diện cho cá nhân, gia đình, cộng đồng một cách an toàn, kịp thời, liên tục và hiệu quả, có năng lực nghiên cứu khoa học, tự học, sẵn sàng thích ứng với thay đổi nhu cầu chăm sóc sức khỏe của cộng đồng và hội nhập quốc tế. Điểm khác nhau giữa các trường đại học đào tạo điều dưỡng Đại học trong nước và ngoài nước là: Tại Trường ĐH Sydney, trong năm học cuối cùng sinh viên có thể chọn một chuyên ngành tự chọn về lâm sàng như Nhi khoa, Chăm sóc đặc biệt, phẫu thuật chu phẫu, chăm sóc giảm nhẹ, ma túy và rượu hoặc điều dưỡng sức khỏe tâm thần

6. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

6.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Bảng 5. Mối quan hệ giữa các khối học phần với chuẩn đầu ra của CTĐT

Các khối học phần		Số TC	Tỷ lệ %	1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	3.4	3.5
Giáo dục đại cương	<i>Chính trị, kinh tế, xã hội</i>	13	9.7	x										
	<i>Toán và khoa học tự nhiên</i>	5	3.73	x										
	<i>Ngoại ngữ, tin học</i>	12	8.56						x					
Giáo dục chuyên nghiệp	<i>Cơ sở ngành</i>	7	5.22	x				x	x					
	<i>Ngành</i>	22	16.42	x				x	x					
	<i>Chuyên ngành</i>	65	48.51			x	x	x	x	x	x	x	x	x
	<i>Thực tập và khoá luận tốt nghiệp</i>	10	7.86	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Tổng		134	100											

Bảng 5: Mối quan hệ giữa các khối học phân đầu ra của CTĐT

Khối kiến thức	Số TC	Tỉ lệ	PLO1				PLO2			PLO3					
			1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	3.1	3.2	3.3	3.4	3.5		
Kiến thức giáo dục đại cương															
Triết học Mác - Lênin	3	3-0	x												
Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2-0	x												
Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2-0	x												
Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2-0	x												
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2-0	x												
Pháp luật đại cương	2	2-0	x												
Lý thuyết xác suất thống kê	3	3-0	x												
Hóa học	2	2-0	x												
Tin học đại cương	3	2-1	x							x					
Tiếng Anh 1	3	1-2	x							x					
Tiếng Anh 2	3	1-2	x							x					
Tiếng Anh 3	3	1-2	x							x					
Giáo dục quốc phòng - an ninh, Giáo dục thể chất(*)															
Giáo dục quốc phòng - an ninh(*)	8		x												
Giáo dục thể chất(*)	4		x												
Kiến thức cơ sở ngành và ngành															
Sinh học - Di truyền	3	2-1								x					

6.2. Danh sách học phần

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm/ Thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra đánh giá
1. Khối kiến thức đại cương			30			
1	7GDC013	Triết học Mác - Lênin	3 (3,0)	45		105
2	7GDC022	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2 (2,0)	30		70
3	7GDC032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2 (2;0)	30		70
4	7GDC042	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (2;0)	30		70
5	7GDC052	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2 (2;0)	30		70
6	7GDC062	Pháp luật đại cương	2 (2;0)	30		70
7	7GDC113	Lý thuyết xác suất thống kê	3 (3;0)	45		105
8	7GDC292	Hóa học	2 (2;0)	30		70
9	7GDC123	Tin học đại cương	3 (1;2)	15	60	75
10	7GDC133	Tiếng Anh 1	3 (3;0)	45		105
11	7GDC143	Tiếng Anh 2	3 (3;0)	45		105
12	7GDC153	Tiếng Anh 3	3 (3;0)	45		105
		Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất	12			
1	7GDC168	Giáo dục Quốc phòng-An ninh(*)	8			
2	7GDC174	Giáo dục thể chất(*)	4			
2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			104			
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			7			
1	7CSN403	Sinh học - Di truyền	3(2;1)	30	30	90
2	7CSN412	Lý sinh y học	2 (2;0)	30		70
3	7CSN422	Tâm lý học - Đạo đức y học	2 (2;0)	30		70
2.2. Kiến thức ngành						
1	7KTN364	Giải phẫu	4 (2;2)	30	60	110
2	7KTN373	Vi sinh - Ký sinh trùng	3 (2;1)	30	30	90
3	7KTN382	Mô phôi	2 (1;1)	15	30	55
4	7KTN393	Sinh lý học	3 (2;1)	30	30	90
5	7KTN112	Hóa sinh	2 (2;0)	30		70

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm/ Thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra đánh giá
6	7KTN162	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2 (1;1)	15	30	55
7	7KTN132	Dược lý	2 (1;1)	15	30	55
8	7KTN412	Dịch tễ học	2 (2;0)	30		70
9	7KTN162	Pháp luật tổ chức y tế	2 (2;0)	30		70
2.3. Kiến thức chuyên ngành			65			
1	7KTN402	Dinh dưỡng tiết chế và vệ sinh an toàn thực phẩm	2 (2;0)	30		70
2	7DDU053	Tiếng anh chuyên ngành	3 (2;1)	30	30	90
3	7DDU172	Y học cổ truyền	2 (1;1)	15	30	55
4	7DDU192	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành điều dưỡng	2 (2;0)	30		70
5	7DDU194	Điều dưỡng cơ sở 1	4 (2;2)	30	60	110
6	7DDU203	Điều dưỡng cơ sở 2	3 (2;1)	30	30	90
7	7DDU212	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	2 (1;1)	15	30	55
8	7DDU122	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1	2 (2;0)	30		70
9	7DDU213	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1	3 (0;3)		135	60
10	7DDU132	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2	2 (2;0)	30		70
11	7DDU243	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2	3(0;3)		135	60
12	7DDU042	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1	2 (2;0)	30		70
13	7DDU223	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1	3 (0;3)		135	60
14	7DDU052	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2	2 (2;0)	30		70
15	7DDU233	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh	3 (0;3)		135	60

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm/ Thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra đánh giá
		Ngoại khoa 2				
16	7DDU062	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2 (2;0)	30		70
17	7DDU232	Thực hành chăm sóc sức khỏe trẻ em	2 (0;2)		90	40
18	7DDU272	Quản lý điều dưỡng	2 (2;0)	30		70
19	7DDU022	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2 (2;0)	30		70
20	7DDU242	Thực hành chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2 (0;2)		90	40
21	7DDU292	Chăm sóc sức khỏe người bệnh tâm thần	2 (1;1)	15	45	55
22	7DDU303	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	2 (1;2)	15	90	75
23	7DDU312	Chăm sóc sức khỏe người có bệnh truyền nhiễm	2 (1;1)	15	45	55
24	7DDU322	Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng	2 (1;1)	15	30	55
25	7DDU332	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2 (1;1)	15	45	55
26	7DDU342	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	2 (1;1)	15	45	55
		Sinh viên chọn 2 trong 4 học phần	4/8			
1	7DDU032	Phương pháp nghiên cứu khoa học y học	2 (2;0)	30		70
2	7DDU362	Điều dưỡng thảm họa	2 (2;0)	30		70
3	7DDU372	Các chương trình y tế quốc gia	2 (2;0)	30		70
4	7KTN142	Sức khỏe môi trường - Nâng cao sức khỏe và hành vi con người	2 (2;0)	30		70
2.4. Tốt nghiệp			10			
1	7TTN014	Thực tập tốt nghiệp	4 (0;4)		180	80
		Sinh viên thực hiện 1	6/12			

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm/ Thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra đánh giá
		<i>trong 2 hình thức</i>				
2	7KLN106	Khóa luận tốt nghiệp	6			
3		Học phần thay thế	6			
3.1	7KLN103	<i>Chăm sóc người bệnh Nội khoa – Nhi khoa nâng cao</i>	3 (3;0)	45		105
3.2	7KLN203	<i>Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa – Sản khoa nâng cao</i>	3 (3;0)	45		105

6.4. Kế hoạch dạy học

Học kỳ	Tổng số tín chỉ	STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ			Học phần		
						Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm/Thảo luận	Tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra đánh giá	Tiên quyết	Học trước	Song hành
1	18	1	7GDC013	Triết học Mác - Lênin	3	45		105			
		2	7GDC062	Pháp luật đại cương	2	30		70			
		3	7GDC292	Hóa học	2	30		70			
		4	7GDC123	Tin học đại cương	3	15	60	75			
		5	7GDC133	Tiếng Anh 1	3	45		105			
		6	7CSN403	Sinh học - Di truyền	3	30	30	90			
		7	7CSN412	Lý sinh y học	2	30		70			
2	16	8	7GDC022	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30		70			
		9	7KTN364	Giải phẫu	4	30	60	110			
		10	7GDC143	Tiếng Anh 2	3	45		105			
		11	7KTN393	Sinh lý học	3	30	30	90			
		12	7KTN382	Mô phôi	2	15	30	55			
		13	7KTN112	Hóa sinh	2	30		70			
3	17	14	7CSN422	Tâm lý học - Đạo đức y học	2	30		70			
		15	7GDC032	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30		70			
		16	7GDC113	Lý thuyết xác suất thống kê	3	45		105			
		18	7GDC153	Tiếng Anh 3	3	45		105			
		19	7KTN162	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2	15	30	55			
		20	7KTN373	Vi sinh - Ký sinh trùng	3	30	30	90			
		21	7KTN132	Dược lý	2	15	30	55			
4	18	22	7KTN162	Pháp luật tổ chức y tế	2	30		70			

		23	7DDU194	Điều dưỡng cơ sở 1	4	30	60	110			
		24	7DDU203	Điều dưỡng cơ sở 2	3	30	30	90			
		25	7DDU053	Tiếng anh chuyên ngành	3	30	30	90			
		26	7DDU122	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1	2	30		70			
		27	7DDU042	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1	2	30		70			
		28	7KTN402	Dinh dưỡng tiết chế và vệ sinh an toàn thực phẩm	2	30		70			
5	18	29	7GDC052	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30		70			
		30	7DDU132	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2	2	30		70			
		31	7DDU052	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2	2	30		70			
		32	7DDU022	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2	30		70			
		33	7DDU062	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	30		70			
		34	7DDU213	Thực hành Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1	3		135	60			
		35	7DDU223	Thực hành Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1	3		135	60			
			7DDU192	Kỹ năng giao tiếp trong thực	2	30		70			

				hành điều dưỡng							
6	17	36	7GDC042	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		70			
		37	7DDU243	Thực hành Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2	3		135	60			
		38	7DDU233	Thực hành Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2	3		135	60			
		39	7DDU242	Thực hành Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2		90	40			
		40	7DDU232	Thực hành Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2		90	40			
		41	7DDU212	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành điều dưỡng	2	15	45	55			
		42	7DDU303	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	3	15	90	75			
7	16	44	7DDU272	Quản lý điều dưỡng	2	30		70			
		45	7DDU172	Y học cổ truyền	2	15	30	55			
		46	7DDU322	Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng	2	15	30	55			
		47	7DDU342	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	2	15	45	55			
		48	7DDU312	Chăm sóc sức khỏe người có bệnh truyền nhiễm	2	15	45	55			
		49	7KTN412	Dịch tễ học	2	30		70			

8		50	7DDU292	Chăm sóc sức khỏe người bệnh tâm thần	2	15	45	55			
		51	7DDU332	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	2	15	45	55			
	14	52	7TTN014	Thực tập tốt nghiệp	4		120	80			
		53		Tự chọn	4						
		54	7KLN103	Chăm sóc người bệnh Nội khoa-Nhi khoa nâng cao	3	45		105			
		55	7KLN203	Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa-Sân khoa nâng cao	3	45		105			

6.5. Chiến lược giảng dạy – học tập

6.5.1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống bao gồm phương pháp giải thích cụ thể (Explicit Teaching), thuyết giảng (Lecture).

6.5.2. Chiến lược dạy học gián tiếp

Là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được áp dụng gồm: Câu hỏi gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Solving), học theo tình huống (Case Study).

6.5.3. Học trải nghiệm

- Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận.

- Các phương pháp dạy học được áp dụng theo chiến lược dạy học này gồm: mô hình (Models), thực tập, thực tế (Field Trip), thí nghiệm (Experiment) và nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)

6.5.4. Dạy học tương tác

- Đây là chiến lược dạy và học trong đó giảng viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giảng viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giảng viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

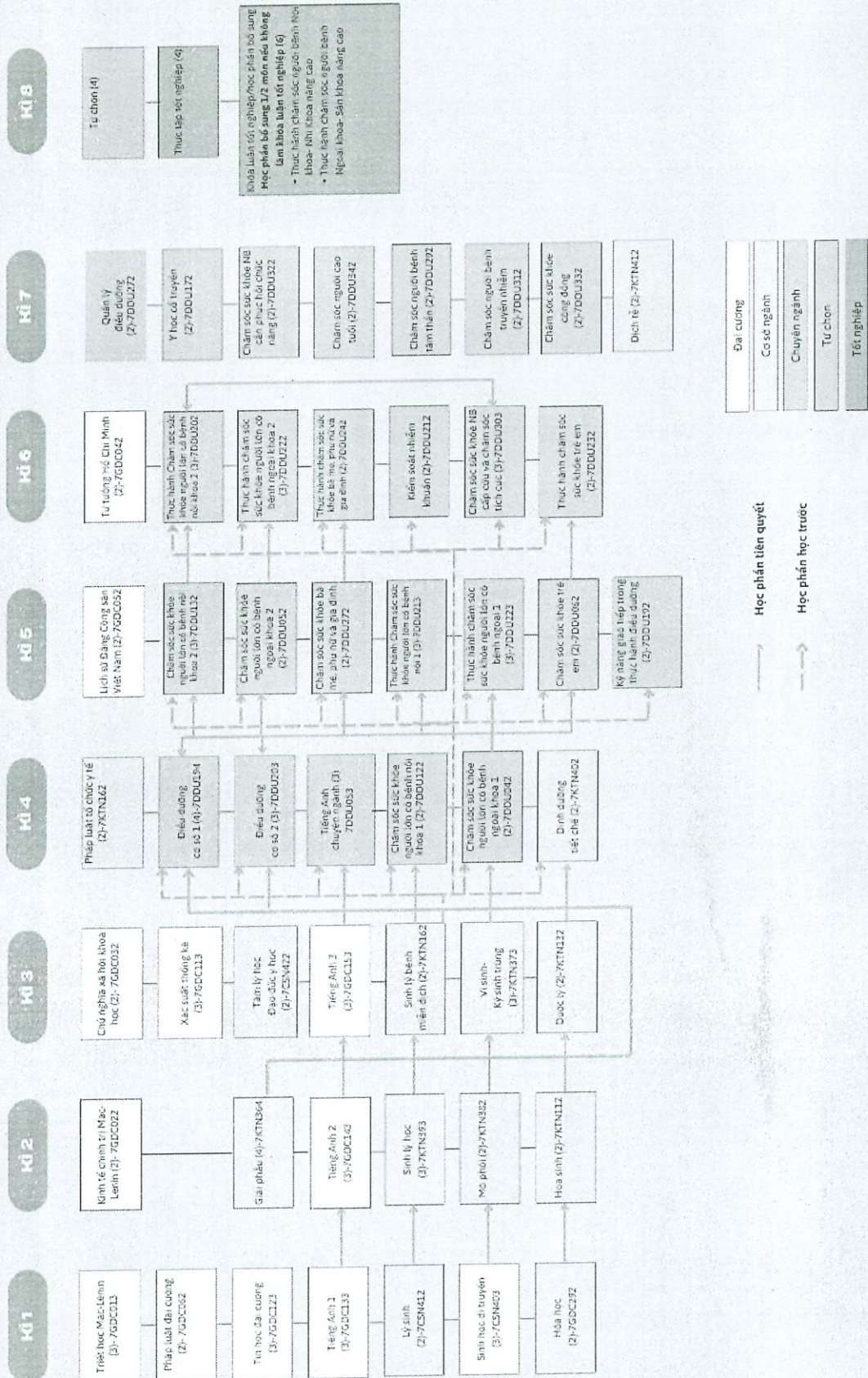
- Các kỹ thuật, phương pháp được áp dụng theo chiến lược này gồm có: phương

pháp tranh luận (Debate), thảo luận (Discussions), học nhóm (Peer Learning)

6.5.5. Tự học

- Chiến lược tự học là tất cả các hoạt động học của người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giáo viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giáo viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

6.7. Sơ đồ tiến trình đào tạo



Khoá luận tốt nghiệp/ học phân bổ sung
 Học phần bổ sung 1/2 môn nếu không làm khoa luận tốt nghiệp (6)

- Thực hành Chăm sóc người bệnh Nội Khoa- Nhi khoa năng cao
- Thực hành Chăm sóc người bệnh Ngoại khoa- Sản khoa năng cao

Đại cương
Cơ sở ngành
Chuyên ngành
Tư chọn
Tốt nghiệp

7. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

STT	Tên học phần	Số tiết(LT-TH-TH)	Mô tả vắn tắt các nội dung của học phần
1	Pháp luật đại cương	2 (30-0-70)	Học phần trang bị cho sinh viên tất cả các ngành những kiến thức lý luận cơ bản nhất về Nhà nước và pháp luật nói chung, Nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa nói riêng. Từ đó giúp cho sinh viên có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đồng thời trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam và một số ngành luật cụ thể, giúp cho sinh viên hiểu biết hơn về pháp luật để vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.
2	Triết học Mác - Lênin	3 (45-0-105)	Học phần Triết học Mác – Lênin trang bị những tri thức khái lược về triết học; sự ra đời và phát triển triết học Mác - Lênin; về vật chất và ý thức; về những nguyên lý, phạm trù, quy luật của phép biện chứng duy vật; về học thuyết hình thái kinh tế - xã hội; vấn đề giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội và quan điểm của triết học Mác - Lênin về con người.
3	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2 (30-0-70)	Trang bị những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác – Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2 (30-0-70)	Chủ nghĩa Mác – Lênin chỉ rõ vai trò, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thực hiện nội dung, quy luật và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc và tôn giáo; vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
5	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2 (30-0-70)	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920- 1930), quá trình lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945- 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 – 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách

			mạng của Đảng.
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2 (30-0-70)	Học phần có 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân, do dân, vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh Đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế, văn hóa, con người, đạo đức.
7	Hóa học	2 (30-0-70)	Đây là học phần bắt buộc đối với sinh viên ngành Điều dưỡng. Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về cấu tạo nguyên tử, phân tử. Những quy luật liên quan tới sự biến đổi năng lượng, hiện tượng trong dung dịch, được vận dụng để giải thích cơ chế các quá trình xảy ra trong cơ thể sinh vật.
8	Sinh học di truyền	3 (30- 30 -90)	Học phần giúp cho sinh viên hiểu được cấu trúc và các hoạt động của cơ thể sống, đặc biệt là cơ thể con người. Các quy luật di truyền cơ bản của con người, các bệnh tật di truyền và đột biến hay gặp trên người cũng như các nguyên tắc, phương pháp điều trị, phương pháp dự phòng bệnh tật di truyền ở người sẽ được giới thiệu kỹ trong học phần. Học phần giúp cho sinh viên biết cách chăm sóc, bảo vệ sức khỏe tốt hơn và biết cách giúp cộng đồng giảm thiểu một số bệnh tật di truyền nguy hiểm. Học xong học phần sinh viên sẽ có thêm kiến thức nền tảng để học tốt các môn y học cơ sở và y học lâm sàng
9	Xác suất thống kê	2 (30-0-70)	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê; từ đó vận dụng các kiến thức đó để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan trong chuyên ngành và trong thực tế. Các nội dung chính trong học phần: lý 2 thuyết cơ bản về xác suất, phân bố xác suất của biến ngẫu nhiên; cơ sở lý thuyết mẫu, các bài toán ước lượng và kiểm định giả thiết thống kê, tương quan và hồi quy đơn.
10	Tin học đại cương	3 (30-30-90)	Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức về CNTT cơ bản (theo thông tư số 03/2014/TT-BTTTT về quy định chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT, theo chuẩn ICDL Việt Nam - chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản) bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Các kiến thức cơ bản về máy tính và mạng máy tính; - Các kiến thức về sử dụng và quản lý máy tính cơ bản; - Các kiến thức sử dụng văn bản cơ bản; - Các kiến thức sử dụng bảng tính cơ bản; - Các kiến thức sử dụng trình chiếu cơ bản; - Các kiến thức sử dụng và khai thác dữ liệu trên

			mạngInternet.
11	Tiếng Anh1	3 (15-60-75)	Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp tiếng Đức ở giai đoạn đầu của cấp độ tiền trung cấp (Pre-intermediate). Thông qua các bài đọc, bài nghe, các bộ phim ngắn, v.v, sinh viên được trang bị kiến thức về văn hóa, địa lý, đời sống xã hội của một số nước trên thế giới. Kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về bản thân, sức khỏe, việc làm, giải trí, du lịch, đặt hàng ...); Có thể mô tả và trao đổi thông tin về những chủ đề quen thuộc hàng ngày như thể thao, phương tiện giao thông, môi trường, lễ hội, v.v.
12	Tiếng Anh2	3 (15-60-75)	Học phần Tiếng Anh 2 nhằm nâng cao kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, kỹ năng thực hành tiếng Anh cũng như một số kiến thức về văn hóa, xã hội, địa lý của một số nước trên thế giới cho sinh viên sau khi đã học xong học phần Tiếng Anh 1. Kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp thông dụng, đồng thời có thể mô tả và trao đổi thông tin về những chủ đề quen thuộc hàng ngày như kỳ nghỉ, thế giới tự nhiên, v.v.
13	Tiếng Anh3	3 (15-60-75)	Học phần Tiếng Anh 3 nhằm ôn tập lại các kiến thức về từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh sau khi sinh viên học xong học phần Tiếng Anh 2, đồng thời trang bị cho các em kỹ năng, chiến lược và hướng dẫn thực hành làm bài thi B1 theo mẫu hiện hành. Kết thúc học phần, sinh viên đạt trình độ B1 (Bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).
14	Lý sinh y học	2 (30-0-70)	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về vật lý nhằm giải thích các hiện tượng sinh học xảy ra trong cơ thể sống của con người; những cơ sở, nguyên lý vật lý ứng dụng trong chẩn đoán điều trị, cũng như chăm sóc sức khỏe con người. Sinh viên sau khi học xong có thể hiểu được một cách cơ bản các dạng năng lượng trong cơ thể sống; sự vận chuyển cơ học; vai trò của máu đối với sự trao đổi khí; các hiện tượng điện, vai trò của điện, âm, siêu âm, ánh sáng trong cơ thể sống. Cuối cùng là những bức xạ ion hóa đối với cơ thể sống. Ngoài ra, sinh viên còn có thể hiểu được nguyên lý hoạt động của một số thiết bị sử dụng phổ biến trong chẩn đoán bệnh, xét nghiệm mẫu bệnh phẩm, điều trị và chăm sóc sức khỏe người bệnh.

15	Sinh lý	3 (30-30-90)	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về chức năng, hoạt động chức năng của từng cơ quan và hệ thống cơ quan trong cơ thể người bình thường. Cơ chế hoạt động, điều hòa hoạt động của chúng và các cơ chế thích ứng của cơ thể với môi trường sống. Thông qua kiến thức của môn học sinh viên có thể vận dụng để phát hiện các dấu hiệu bất thường trên người bệnh, góp phần lập kế hoạch chăm sóc, theo dõi cũng như tư vấn phù hợp cho người bệnh.
16	Giải phẫu	4 (30-60-110)	Học phần giải phẫu người nghiên cứu về hình thái, cấu trúc của các bộ phận, cơ quan trong cơ thể người, mối liên quan giữa các bộ phận trong cơ thể và tương quan của toàn bộ cơ thể với môi trường và nghiên cứu về sự ứng dụng của giải phẫu cơ thể người trong công tác Điều dưỡng Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về giải phẫu và có 2 phần: lý thuyết và thực hành: - Phần lý thuyết: gồm có các bài 1 đại cương giải phẫu và các bài theo giải phẫu hệ thống các cơ quan của con người. - Phần thực hành: Nội dung học tập được chia theo các hệ: xương - khớp, cơ, tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, sinh dục, thần kinh, các giác quan đặc biệt và nội tiết....
17	Dược lý	2 (15-30-55)	Học phần Dược lý trang bị cho sinh viên ngành Điều dưỡng những kiến thức về: - <i>Dược lý học cơ bản, gồm:</i> Dược động học (hấp thu, phân phối, chuyển hóa và thải trừ thuốc); dược lực học (cơ chế tác dụng, tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng, cách dùng của thuốc) và độc tính của thuốc. - <i>Dược lý ứng dụng:</i> Vận dụng các kiến thức về dược lý học cơ bản vào chăm sóc sức khỏe nhân dân (sức khỏe người bệnh) và tư vấn cho người bệnh, cộng đồng về sử dụng thuốc an toàn – hợp lý.
18	Hóa sinh	2 (30-0-70)	Hóa sinh là môn học nghiên cứu về cơ sở phân tử của sự sống. Môn học được chia làm 3 phần: Cấu tạo chất, chuyển hóa chất, hóa sinh mô và cơ quan. Cấu tạo chất nghiên cứu về cấu tạo, tính chất, vai trò, nguồn gốc của glucid, lipid, hemoglobin, acid amin, protein - là các chất hóa học cơ bản cấu tạo nên cơ thể sống và nghiên cứu về cấu trúc, chức năng của enzym - là chất xúc tác sinh học đặc hiệu của cơ thể sống. Chuyển hóa chất nghiên cứu về sự chuyển hóa của glucid, lipid, acid amin, hemoglobin xảy ra ở mô và cơ quan.

			Hóa sinh mô cơ quan nghiên cứu về sự trao đổi muối nước, thăng bằng acid – base xảy ra ở mô, sự chuyển hóa chất ở các cơ quan nhũgân , thận, máu.
19	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	2 (30-0-70)	<p>Học phần Sinh lý bệnh – Miễn dịch trang bị cho sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Những kiến thức cơ bản về bệnh, bệnh nguyên, bệnh sinh học; Về cấu tạo, chức năng của hệ thống miễn dịch, quá trình đáp ứng miễn dịch ở người bình thường; Cơ chế bệnh sinh của các trường hợp thiếu hụt miễn dịch thường gặp, cơ chế bệnh sinh và thể lâm sàng điển hình của từng loại quá miễn. + Những kiến thức về cơ chế bệnh sinh của một số rối loạn thường xảy ra trong nhiều bệnh (các bệnh lý điển hình); Cơ chế bệnh sinh một số biểu hiện lâm sàng chính của các bệnh thường gặp thuộc về bộ máy tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu. + Sinh viên áp dụng kiến thức trên để nghiên cứu phân bệnh học, liên hệ vào thực tiễn, công tác phòng bệnh, chăm sóc, theo dõi người bệnh và nghiên cứu khoa học. + Sinh viên xây dựng được thái độ đúng đắn trong học tập, có khả năng tự học suốt đời.
20	Mô phôi	2 (15-30-55)	<p>Môn mô phôi là môn bắt buộc trong khối các môn học cơ sở ngành của chương trình đào tạo cử nhân Điều dưỡng trình độ Đại học.</p> <p>Môn mô phôi gồm có 2 phần:</p> <p>Phần lý thuyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả cấu trúc vi thể của các mô, các bộ phận chủ yếu của các cơ quan quan trọng trong cơ thể người bình thường. - Giải thích được mối liên quan giữa cấu tạo và chức năng của các mô và các cơ quan. <p>Phần thực hành: Quan sát tiêu bản mô học của các hệ cơ quan, xác định được cấu trúc mô của các cơ quan và hệ cơ quan.</p>
21	Pháp luật, tổ chức y tế	2 (30-0-70)	<p>Nội dung học phần gồm các kiến thức về chủ trương chính sách lớn của Đảng và nhà nước về chăm sóc sức khỏe nhân dân. Một số nội dung cơ bản của các Luật liên quan đến hoạt động y tế như: Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Luật Bảo hiểm y tế, Luật Khám bệnh chữa bệnh. Các khái niệm chính về Y xã hội học, Tổ chức và quản lý, Hệ thống tổ chức của ngành y tế Việt nam, Hội Điều dưỡng Việt nam, Tổ chức và quản lý Bệnh viện, Quản lý Trang thiết bị y tế tại Bệnh viện. Những nhiệm vụ chính của cá nhân tổ chức trong mạng lưới Điều dưỡng Bệnh viện.</p>

22	Tâm lý học-Đạo đức y học	2 (30-0-70)	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, lý luận cơ bản về tâm lý con người, diễn biến tâm lý thường gặp của người bệnh khi nằm viện, các tác động tâm lý tích cực và không tích cực từ cán bộ y tế đến người bệnh và ảnh hưởng của sự tác động đó lên quá trình điều trị và chăm sóc. Học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện thái độ, tác phong và ý thức, trách nhiệm trong quá trình chăm sóc người bệnh.
23	Vi sinh – Ký sinh trùng	3 (30-30-90)	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về đặc điểm sinh học của vi sinh vật y học; khả năng gây bệnh; chẩn đoán vi sinh; nguyên tắc phòng và điều trị của các vi sinh vật thường gặp. Thực hành lấy bệnh phẩm, làm tiêu bản nhuộm soi và soi trên kính hiển vi quang học, phương pháp nuôi cấy và nhận định hình thái khuẩn lạc.
24	Quản lý điều dưỡng	2 (30-0-70)	Học phần Quản lý điều dưỡng trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về quản lý, lãnh đạo và hệ thống tổ chức y tế, điều dưỡng tại Việt Nam. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể áp dụng được các kỹ năng quản lý cơ bản cũng như mô tả được hệ thống tổ chức quản lý y tế, quản lý điều dưỡng tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.
25	Dịch tễ	2 (30-0-70)	Dịch tễ học là môn nghiên cứu sự phân bố của bệnh, tình trạng hay sự kiện sức khỏe có liên quan ở những quần thể xác định và ứng dụng những nghiên cứu này trong việc kiểm soát các vấn đề sức khỏe.
26	Sức khỏe môi trường- Nâng cao sức khỏe hành vi con người	2 (30-0-70)	Môi trường là hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có tác động đối với sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật. Sức khỏe môi trường nâng cao sức khỏe hành vi con người là học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những mối nguy hiểm trong môi trường và những ảnh hưởng của chúng lên sức khỏe cũng như kiến thức cơ bản về sức khỏe, các yếu tố quyết định sức khỏe, các cách tiếp cận nâng cao sức khỏe; các khái niệm cơ bản về hành vi con người; những yếu tố ảnh hưởng, quyết định hành vi con người và hành vi sức khỏe, mối liên quan giữa hành vi con người với các vấn đề sức khỏe, vai trò của nâng cao sức khỏe.....Trên cơ sở đó ứng dụng những phương pháp hiệu quả để bảo vệ con người khỏi những mối nguy hại từ môi trường, nâng cao sức khỏe bản thân, gia đình và cộng đồng.
27	Dinh dưỡng tiết chế và vệ	2 (2-0-70)	Học phần này cung cấp một số kiến thức cơ bản về dinh dưỡng cơ sở và những kiến thức vừa cơ bản vừa cập nhật về dinh dưỡng lâm sàng, những nguyên tắc xây dựng thực đơn và thực đơn mẫu cho các bệnh nhân thường

	sinh an toàn thực phẩm		gặp, các bệnh đang là vấn đề có xu hướng thời đại ở Việt Nam góp phần giữ gìn sức khỏe, phòng bệnh và làm tăng hiệu quả của các biện pháp điều trị khác.
28	Điều dưỡng cơ sở 1	2 (30-0-70)	<p>Nội dung học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử; mục đích; nguyên tắc và các chuẩn thực hành điều dưỡng; định hướng phát triển; vai trò, chức năng của điều dưỡng; nhu cầu cơ bản của con người; quy trình điều dưỡng; thực hành một số kỹ thuật cơ bản trong chăm sóc người bệnh như: vệ sinh hàng ngày (vệ sinh răng miệng, gội đầu, tắm và các tư thế trị liệu), biết đo dấu hiệu sống (mạch, nhiệt độ, huyết áp, nhịp thở), dùng thuốc (uống, tiêm, truyền, da, niêm mạc), cung cấp dinh dưỡng cho người bệnh (đường miệng, ống thông) an toàn</p> <p>Sau khi học xong học phần này, sinh viên hiểu về ngành điều dưỡng, biết được vai trò, chức năng của điều dưỡng. Biết lập kế hoạch chăm sóc người bệnh, biết dùng thuốc và cung cấp dinh dưỡng cho người bệnh hiệu quả - an toàn, giúp sinh viên tiếp cận với thực tế chăm sóc người bệnh trong bệnh viện. Ngoài ra các em được thực hành những kỹ thuật cơ bản của điều dưỡng dưới sự giám sát và hướng dẫn của giảng viên lâm sàng. Môn học cũng sẽ là tiền đề để sinh viên khi tham gia các môn thực hành chuyên ngành.</p>
29	Kiểm soát NK trong THDD	2 (15-45-55)	<p>Trang bị cho sinh viên những năng lực về hệ thống tổ chức phòng chống nhiễm khuẩn, sự an toàn của người bệnh trong môi trường bệnh viện; các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn; sử dụng bằng chứng liên quan đến nhiễm khuẩn.</p> <p>Học phần cũng rèn luyện cho sinh viên kỹ năng, thái độ khi thực hiện các biện pháp phòng ngừa chuẩn nhằm kiểm soát được nhiễm khuẩn bệnh viện tại các cơ sở y tế.</p>
30	CSSK người lớn có bệnh ngoại khoa 1	2 (30-0-70)	<p>Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành, đặc điểm ngoại khoa, chức năng nhiệm vụ của điều dưỡng ngoại khoa, các vấn đề cần chuẩn bị cho người bệnh trước mổ và những vấn đề thường gặp trên người bệnh sau mổ. Ngoài ra, học phần sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức về cơ bản về bệnh học, xử trí ban đầu các trường hợp chấn thương và quy trình chăm sóc người bệnh ngoại khoa hệ chấn thương chỉnh hình, hệ thần kinh và hệ tiêu hóa</p>
31	CSSK người lớn bệnh nội khoa 1	2 (30-0-70)	<p>Học phần chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho người lớn bị các bệnh nội khoa thông thường, phức tạp. Qua đó giúp sinh viên tự tin khi tiến hành chăm sóc người bệnh nội khoa tại</p>

			<p>bệnh viện và cộng đồng một cách hiệu quả, an toàn.</p> <p>Phần thực hành tại bệnh viện: bao gồm 90 tiết thực tập trong 2 tuần tại bệnh viện. Tại các khoa lâm sàng sinh viên thực tập các kỹ thuật Điều dưỡng cơ sở 1 và 2 (các kỹ thuật này sẽ được chấm điểm theo tiêu chí chấm điểm tay nghề đã được xây dựng sẵn); chăm sóc người bệnh, nhận định tình trạng người bệnh và lập các kế hoạch chăm sóc trên từng người bệnh Sinh viên làm các kỹ thuật, thủ thuật trên người bệnh dưới sự hướng dẫn, giám sát của các Điều dưỡng lâm sàng tại bệnh viện. Sinh viên tham gia trực theo sự phân công của giảng viên hướng dẫn hoặc khoa phòng thực tập</p>
32	Điều dưỡng cơ sở 2	2 (30-0-70)	<p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và chuyên biệt nhằm hoàn thiện và nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp điều dưỡng, giúp cho người điều dưỡng có thể chủ động chăm sóc được cho người bệnh trong các trạng thái bệnh lý phức tạp khác nhau.</p> <p>Thực hiện chính xác các bước trong từng quy trình kỹ thuật như rửa dạ dày, hút dịch vị - tá tràng thông tiểu – rửa bàng quang), phụ giúp bác sỹ chọc dò, đặt catheter,...</p> <p>Tổ chức thực hiện chăm sóc người bệnh và phát triển chiến lược thực hành điều dưỡng dựa vào bằng chứng.</p> <p>Rèn luyện kỹ năng hợp tác với bác sỹ, kỹ năng xử lý các tai biến trong điều trị và chăm sóc, phòng ngừa chuẩn nhằm đảm bảo an toàn cho người bệnh, cho bản thân và cho cộng đồng.</p> <p>Học xong học phần này, sinh viên có thể chủ động theo dõi, chăm sóc, can thiệp điều dưỡng, sơ cứu, cấp cứu ban đầu trong bệnh viện cũng như ngoài cộng đồng.</p>
33	CSSK phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2 (30-0-70)	<p>Nội dung học lý thuyết bao gồm những kiến thức cơ bản trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe phụ nữ; sức khỏe bà mẹ khi có thai; bà mẹ trong đẻ; bà mẹ, trẻ sơ sinh sau đẻ; chăm sóc phụ khoa. Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cơ bản về Sản - Phụ khoa, kế hoạch hóa gia đình.</p> <p>Phần thực hành là các kiến thức, kỹ năng đã học của học phần chăm sóc sức khỏe Phụ nữ, Bà mẹ và Gia đình áp dụng vào thực tế lâm sàng trong chăm sóc sản phụ, trẻ sơ sinh và người bệnh sản phụ khoa; dân số, kế hoạch hóa gia đình giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng tay nghề và hình thành các năng lực thực hiện các qui trình chăm sóc sản phụ, trẻ sơ sinh và người bệnh sản phụ khoa, dân số, kế hoạch hóa gia đình. Phần này sinh viên đi thực tập tại các Bệnh viện của Nhà Trường đã qui định.</p>

34	CSSK trẻ em	2 (30-0-70)	<p>Đây là học phần bắt buộc đối với sinh viên khối ngành Điều dưỡng. Mục đích của học phần là trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm giải phẫu, sinh lý và sự phát triển của các cơ quan trong cơ thể trẻ từ khi sinh ra cho đến khi dậy thì. Dựa vào sự phát triển này để ứng dụng trên lâm sàng việc chăm sóc, giáo dục trẻ cho phù hợp với từng lứa tuổi cũng như phát hiện sớm các bất thường để xử trí kịp thời, giúp cho trẻ phát triển toàn diện. Ngoài ra, học phần còn cung cấp kiến thức về định nghĩa, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng một số bệnh thường gặp ở trẻ em, từ đó đưa ra các biện pháp phòng chống, giáo dục sức khỏe cho bà mẹ và gia đình trẻ. Bên cạnh đó, sinh viên còn được phân tích một số các tình huống lâm sàng, từ đó sẽ giúp sinh viên hiểu sâu hơn và biết cách phân loại bệnh khi đi thực tập tại bệnh viện.</p>
35	Thực hành điều dưỡng cơ sở 1	2 (0-30-40)	<p>Nội dung bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các trường hợp áp dụng và không áp dụng các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản. - Các tai biến, cách phòng ngừa và xử trí tai biến thực hiện quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ sở. - Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản đúng quy trình an toàn và hiệu quả cho người bệnh. - Giao tiếp hiệu quả với người bệnh và gia đình người bệnh trong quá trình thực hiện kỹ thuật điều dưỡng. - Tính chủ động trong học tập, cẩn trọng và có trách nhiệm trong thực hành và bảo quản mô hình dụng cụ thực hành.
36	Thực hành điều dưỡng cơ sở 2	2 (0-30-40)	<p>Nội dung bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục đích, nguyên tắc áp dụng và không áp dụng các kỹ năng chăm sóc người bệnh. - Giải thích các bước quy trình của các kỹ thuật điều dưỡng cơ sở. - Các tai biến và cách xử trí trong, sau thực hiện quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ sở. - Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ sở đúng quy trình, đảm bảo sự an toàn hiệu quả. - Giao tiếp hiệu quả với người bệnh và gia đình người bệnh trong quá trình thực hiện kỹ thuật điều dưỡng. - Khả năng tự chủ trong việc thực hiện các quy trình kỹ thuật điều dưỡng. - Rèn luyện tinh thần trách nhiệm cao, tính cẩn trọng, nhanh nhẹn trong các tình huống cấp cứu, luôn luôn nhẹ nhàng với người bệnh trong chăm sóc.
37	Thực	3	Giúp cho sinh viên có điều kiện để tiếp cận với người bệnh

	hành chăm sóc người lớn có bệnh nội khoa I	(0-135-60)	nội khoa, rèn luyện và nâng cao kỹ năng thực hành chăm sóc cho người lớn có bệnh nội khoa nói chung và người bệnh nội khoa hệ tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, thận tiết niệu và hệ nội tiết nói riêng. Qua đó, giúp cho sinh viên liên hệ được kiến thức lý thuyết về các bệnh nội khoa với kỹ năng thực hành chăm sóc thích hợp. Giúp sinh viên tự tin, thận trọng và xử trí đúng trong chăm sóc người bệnh nội khoa ở các tình trạng bệnh lý cơ bản điển hình.
38	Thực hành chăm sóc người lớn có bệnh nội khoa II	3 (0-135-60)	Giúp cho sinh viên có điều kiện để tiếp cận với người bệnh nội khoa, rèn luyện và nâng cao kỹ năng thực hành chăm sóc cho người lớn có bệnh nội khoa nói chung và người bệnh nội khoa bệnh huyết học- dị ứng, hệ cơ xương khớp, da liễu, lao và hệ thần kinh nói riêng. Qua đó, giúp cho sinh viên liên hệ được kiến thức lý thuyết về các bệnh nội khoa với kỹ năng thực hành chăm sóc thích hợp. Giúp sinh viên tự tin, thận trọng và xử trí đúng trong chăm sóc người bệnh nội khoa ở các tình trạng bệnh lý cơ bản điển hình.
39	Thực hành Chăm sóc người lớn có bệnh Ngoại 1	3 (0-135-60)	Nội dung học phần gồm các kiến thức về chăm sóc người bệnh có bệnh ngoại khoa cơ sở và hệ tiêu hóa. Bao gồm chăm sóc trước mổ, trong mổ, sau mổ người bệnh có bệnh ngoại khoa về tiêu hóa
40	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh ngoại khoa 2	3 (0-135-60)	Giúp cho sinh viên có điều kiện để tiếp cận với người bệnh ngoại khoa, rèn luyện và nâng cao kỹ năng thực hành chăm sóc cho người lớn có bệnh ngoại khoa nói chung và người bệnh ngoại khoa lồng ngực, tiết niệu, chỉnh hình, thần kinh nói riêng. Qua đó, giúp cho sinh viên liên hệ được kiến thức lý thuyết về các bệnh ngoại khoa với kỹ năng thực hành chăm sóc thích hợp. Giúp sinh viên tự tin, thận trọng và xử trí đúng trong chăm sóc người bệnh ngoại khoa ở các tình trạng bệnh lý cơ bản điển hình.
41	Thực hành chăm sóc sức khỏe trẻ em	2 (0-90-40)	Đây là học phần bắt buộc đối với sinh viên khối ngành điều dưỡng sau khi đã được tiếp thu học phần lý thuyết. Phần này giúp sinh viên vận dụng được các kiến thức về bệnh học và chăm sóc sức khỏe trẻ em, sử dụng quy trình điều dưỡng, kỹ thuật đánh giá dựa trên bằng chứng để đưa ra chẩn đoán điều dưỡng chính xác, lập kế hoạch chăm sóc tạo sự an toàn cho bệnh nhi, biết và vận dụng các chỉ tiêu tay nghề điều dưỡng cho bệnh nhi, tiến hành kỹ thuật chăm sóc đúng quy trình, giáo dục sức khỏe bệnh nhi và

			thân nhân bệnh nhi, tư vấn nuôi con bằng sữa mẹ trên lâm sàng.
42	Thực hành chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	2 (0-90-40)	Đây là học phần bắt buộc đối với sinh viên khối ngành điều dưỡng sau khi đã được tiếp thu học phần lý thuyết. Phần này yêu cầu sinh viên thực hành trên người về chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình, sử dụng quy trình điều dưỡng, kỹ thuật đánh giá dựa trên bằng chứng để đưa ra chẩn đoán điều dưỡng chính xác, lập kế hoạch, tiến hành kỹ thuật chăm sóc tích cực và thường quy đúng quy trình tạo sự an toàn cho bà mẹ trước, trong và sau đẻ cũng như phụ nữ có các bệnh lý phụ khoa. Ngoài ra sinh viên còn thực hành công tác tư vấn sức khỏe cho bà mẹ trước, trong và sau đẻ, cách chăm sóc tích cực và thường quy sức khỏe cho phụ nữ.
43	CS phục hồi chức năng	2 (15-30-55)	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc phục hồi chức năng: tổng quan về tàn tật, lượng giá người tàn tật, vận động trị liệu, chăm sóc phục hồi chức năng cho bệnh nhân tai biến mạch máu não, bệnh nhân tổn thương tủy sống, cách phát hiện và ngăn ngừa những thương tật thứ phát xảy ra trên bệnh nhân điều trị lâu ngày. Học phần chăm sóc phục hồi chức năng có tổng số 10bài phân thành 30 tiết.
44	CSSK người bệnh tâm thần	2 (15-30-55)	Nội dung bao gồm những kiến thức cơ bản về sức khỏe tâm thần và chăm sóc sức khỏe tâm thần; các phương pháp trị liệu, chăm sóc cho người mắc các bệnh tâm thần; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cho người mắc bệnh tâm thần (xác định được chẩn đoán điều dưỡng và can thiệp lâm sàng chăm sóc người bệnh), các phương pháp trị liệu, chăm sóc cho người mắc các bệnh tâm thần; thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cho người mắc bệnh tâm thần (xác định được chẩn đoán điều dưỡng và can thiệp lâm sàng chăm sóc người bệnh);
45	CSSK người bệnh truyền nhiễm	2 (15-30-55)	Chăm sóc sức khỏe người bệnh Truyền nhiễm là môn học nhằm cung cấp những kiến thức đại cương bệnh truyền nhiễm, các đặc điểm dịch tễ học bệnh truyền nhiễm, khả năng gây bệnh; đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng; phương pháp phòng và điều trị bệnh truyền nhiễm; báo dịch và ngăn chặn dịch khi có đợt dịch bùng phát; lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc theo quy trình 5 bước (nhận định, chẩn đoán điều dưỡng và mục tiêu mong chờ, can thiệp điều dưỡng, thực hiện, đánh giá) cho người bệnh bị các bệnh truyền nhiễm.
46	Chăm sóc sức khỏe	2 (15-45-55)	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức đại cương về chăm sóc sức khỏe cộng đồng; vai trò của người điều dưỡng trong chăm sóc sức khỏe ban đầu; các vấn đề

	cộng đồng		thuộc sức khỏe cộng đồng (dịch tễ học, chẩn đoán vấn đề sức khỏe của một nhóm người, của một gia đình hay của một cộng đồng); các xác định vấn đề sức khỏe của cộng đồng và lập kế hoạch can thiệp (lập kế hoạch và thực hiện chăm sóc sức khỏe cộng đồng); tổ chức quản lý và điều hành công việc khám chữa bệnh, quản lý bệnh tật của trạm y tế xã phường.
47	CSSK người caotuổi	2 (15-45-55)	<p>Học phần CSSK NCT trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng thực hành điều dưỡng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe NCT. Do tính chất công việc tác động trực tiếp đến sức khỏe và tính mạng con người, CSSK NCT có những yêu cầu khắt khe về thái độ nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao, sự kiên nhẫn, tỉ mỉ và cẩn thận, tạo thói quen làm việc tốt giúp phát triển năng lực nghề nghiệp từng ngày.</p> <p>Học phần cũng sẽ củng cố cho sinh viên các nội dung liên quan thực tế về các mô hình và cách thức hoạt động CSSK NCT trong nước/quốc tế trong lĩnh vực thực hành và nghiên cứu về Lão khoa nhằm nâng cao năng lực điều dưỡng, hội nhập với nền Y học hiện đại trên thế giới trong bối cảnh già hóa dân số là xu hướng toàn cầu.</p>
48	CS người bệnh cấp cứu & CSTích cực	3 (15-90-75)	<p>Người học được cung cấp những kiến thức chuyên môn cơ bản vững vàng, kỹ năng thực hành nghề nghiệp phù hợp nhằm phát hiện khẩn trương/xử trí đúng cách các vấn đề nguy kịch về sức khỏe và tính mạng người bệnh cần cấp cứu, hạn chế tối đa nguy cơ người bệnh tử vong và di chứng lâu dài về sau.</p> <p>Thực hiện các kỹ thuật và quy trình chăm sóc cơ bản về Chăm sóc người bệnh cấp cứu và hồi sức tích cực.</p> <p>Cách tiếp cận của học phần này là thông qua các vấn đề về kiến thức- kỹ năng trong học phần, người học hình thành khả năng tự học, tự hoàn thiện năng lực tự nghiên cứu, sáng tạo và thái độ tích cực thích ứng với sự phát triển không ngừng của khoa học y học trong nước và hội nhập quốc tế</p>
49	Nghiên cứu khoa học	2 (30-0-70)	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về nghiên cứu khoa học: tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học và quy trình nghiên cứu khoa học, xác định mục tiêu, biến số nghiên cứu, lựa chọn vấn đề nghiên cứu</p> <p>Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản tiến hành một nghiên cứu khoa học: cách thức tham khảo tài liệu, các phương pháp nghiên cứu, các phương pháp chọn mẫu và vấn đề đạo đức trong nghiên cứu.</p> <p>Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản tiến hành</p>

			<p>một nghiên cứu khoa học và cách viết một báo cáo khoa học: cách xác định cỡ mẫu, thu thập số liệu, xử lý, phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu, cách viết đề cương, báo cáo nghiên cứu khoa học.</p>
50	Kỹ năng giao tiếp trong THDD	2 (15-45-55)	<p>Nội dung học phần gồm những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong các tình huống giao tiếp khác nhau trên thực tế lâm sàng; qua học phần sinh viên sẽ hình thành phong cách và kỹ thuật giao tiếp lấy người bệnh là trung tâm. Bộ cục chia thành 3 chương; 11 bài gồm 30 tiết</p> <p>Chương 1: Tổng quan về giao tiếp và giao tiếp trong thực hành điều dưỡng</p> <p>Chương 2: Kỹ năng giao tiếp trong các tình huống đặc biệt</p>
51	Y học cổ truyền	2 (15-30-55)	<p>Học phần này đề cập đến kiến thức, kỹ năng thực hành dựa trên học thuyết Âm dương, Ngũ hành trong quan điểm y học cổ truyền để ứng dụng trong việc chẩn đoán và chăm sóc người bệnh, duy trì sức khỏe, phòng ngừa bệnh tật. Theo quan điểm của đông y cơ thể có sức chống đỡ với bệnh tật và tự điều chỉnh hoạt động của các tạng phủ. Khi cơ thể suy yếu thì tà khí (tác nhân gây bệnh) xâm nhập vào cơ thể.</p> <p>Từ một số phương pháp nhận định người bệnh theo y học cổ truyền và các kiến thức về chức năng chủ yếu của tạng, phủ, huyết, khí v.v. người điều dưỡng có thể lựa chọn phương pháp chăm sóc người bệnh theo y học cổ truyền phù hợp.</p> <p>Học phần còn cung cấp kiến thức về một số phương pháp chăm sóc không dùng thuốc như châm cứu, xoa bóp bấm huyệt, tập luyện dưỡng sinh, sử dụng thuốc nam, toa căn bản....</p>
52	Tiếng Anh chuyên ngành	3 (15-60-75)	<p>Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Điều dưỡng 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các chủ điểm gắn liền với thực tế ngành điều dưỡng, giúp sinh viên có khả năng phát triển kiến thức về chuyên ngành điều dưỡng, hiểu biết về phạm vi và quy mô hoạt động của các ngành liên quan và có vốn từ vựng phong phú về lĩnh vực điều dưỡng như: các phòng khoa trong viện, quy trình thủ tục nhập viện đối với bệnh nhân, quy trình thăm khám với bệnh nhân, tầm quan trọng và các bước tiến hành sơ cứu, các triệu chứng của bệnh, chăm sóc lão khoa. Bên cạnh đó, học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng làm việc theo nhóm và làm việc độc lập thông qua các hoạt động thuyết trình, thảo luận trên lớp.</p>
53	CSSK	2	Học phần chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2

	người lớn bệnh nội khoa 2	(30-0-70)	<p>cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho người lớn bị các bệnh nội khoa thông thường, phức tạp. Qua đó giúp sinh viên tự tin khi tiến hành chăm sóc cho người bệnh nội khoa tại bệnh viện và cộng đồng một cách hiệu quả, an toàn.</p> <p>Phần thực hành bệnh viện bao gồm 90 tiết thực tập trong 2 tuần tại bệnh viện (mỗi tuần 5 ngày, trực đêm, trực thứ 7, chủ nhật tại bệnh viện). Tại các khoa lâm sàng sinh viên thực tập các kỹ thuật Điều dưỡng cơ sở 1 và 2 (các kỹ thuật này sẽ được chấm điểm theo tiêu chí chấm điểm tay nghề đã được xây dựng sẵn); chăm sóc người bệnh, nhận định tình trạng người bệnh và lập các kế hoạch chăm sóc trên từng người bệnh cụ thể, nộp cho giảng viên hướng dẫn vào cuối đợt thực tập (mỗi tuần sinh viên chia nhóm làm kế hoạch chăm sóc và bình kế hoạch chăm sóc). Sinh viên làm các kỹ thuật, thủ thuật trên người bệnh dưới sự hướng dẫn, giám sát của các Điều dưỡng lâm sàng tại bệnh viện, giảng viên phụ trách. Sinh viên tham gia trực theo sự phân công của giảng viên hướng dẫn hoặc khoa phòng thực tập.</p>
54	CSSK người lớn bệnh ngoại khoa 2	2 (30-0-70)	<p>Nội dung học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa và chuyên khoa hệ ngoại như:</p> <p>Hệ tiết niệu (u xơ tiền liệt tuyến, sỏi tiết niệu), hệ tiêu hóa (thủng dạ dày tá tràng, viêm tụy cấp, sỏi ống mật chủ) và hệ ngoại khác (bỏng, chấn thương ngực). Học phần sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng, biến chứng, quy trình chăm sóc người bệnh trước mổ và sau mổ các bệnh ngoại khoa trên.</p>
55	Thực tập tốt nghiệp	4 (0-180-80)	<p>Đây là học phần chuyên về thực hành lâm sàng Bệnh viện. Thực hành các kiến thức, kỹ năng đã học của học phần chăm sóc sức khỏe Phụ nữ, Bà mẹ và Gia đình 1 và 2 và thực tế lâm sàng trong chăm sóc sản phụ, trẻ sơ sinh và người bệnh sản phụ khoa; dân số, kế hoạch hóa gia đình.</p> <p>Là học phần bắt buộc để sinh viên rèn luyện kỹ năng tay nghề và hình thành các năng lực thực hiện các quy trình chăm sóc sản phụ, trẻ sơ sinh và người bệnh sản phụ khoa, dân số, kế hoạch hóa gia đình nhằm định hướng làm việc tại khoa sản hoặc bệnh viện phụ sản sau khi tốt nghiệp.</p> <p>Phần này sinh viên đi thực tập tại các Bệnh viện của Nhà Trường đã qui định</p>

		<p>Thực tế tốt nghiệp là học phần bắt buộc gồm 04 tín chỉ, tuy nhiên sinh viên có thể lựa chọn 1 trong 4 học phần có thể học để phù hợp với năng lực, định hướng nghề nghiệp của mỗi sinh viên:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa 2. Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa 3. Chăm sóc sức khỏe trẻ em <p>Chăm sóc sức khỏe phụ nữ - Bà mẹ và Gia đình</p>
	<p>Thực tế tốt nghiệp: Chăm sóc sức khỏe trẻ em</p>	<p>Học phần Học phần Thực tế tốt nghiệp chăm sóc sức khỏe trẻ em là phần thực tập bệnh viện cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng nhận định, chẩn đoán, chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho bệnh nhi và người nhà của bệnh nhi mắc các bệnh thông thường. Qua đó giúp sinh viên tự tin khi tiến hành chăm sóc cho bệnh nhi tại bệnh viện và cộng đồng một cách hiệu quả, an toàn.</p> <p>Phần thực hành tại bệnh viện: bao gồm 200 tiết thực tập trong 4 tuần tại bệnh viện (mỗi tuần 5 ngày, trực đêm, trực thứ 7, chủ nhật tại bệnh viện). Tại các khoa lâm sàng sinh viên thực tập các kỹ thuật điều dưỡng (các kỹ thuật này sẽ được chấm điểm theo tiêu chí chấm điểm tay nghề đã được xây dựng sẵn); chăm sóc người bệnh, nhận định tình trạng người bệnh và lập các kế hoạch chăm sóc trên từng người bệnh cụ thể, nộp cho giảng viên hướng dẫn vào cuối đợt thực tập (mỗi tuần sinh viên chia nhóm làm kế hoạch chăm sóc và bình kế hoạch chăm sóc vào thứ 6). Sinh viên làm các kỹ thuật, thủ thuật trên người bệnh dưới sự hướng dẫn, giám sát của các điều dưỡng lâm sàng tại bệnh viện, giảng viên phụ trách. Sinh viên tham gia trực theo sự phân công của giảng viên hướng dẫn hoặc khoa phòng thực tập.</p>
	<p>Thực tế tốt nghiệp: Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa</p>	<p>Học phần Thực tế tốt nghiệp thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh ngoại khoa được thực hiện tại khoa ngoại của các bệnh viện hoặc bệnh viện chuyên ngoại (Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức). Học phần này giúp sinh viên được tiếp cận với người bệnh bị các bệnh ngoại khoa. Qua đó, sinh viên được trang bị năng lực, kỹ năng ứng dụng quy trình điều dưỡng để nhận định, phân tích những vấn đề về nhu cầu của người bệnh nhằm đưa ra chẩn đoán điều dưỡng đúng; từ đó, xác định mục tiêu mong chờ, đưa ra các can thiệp điều dưỡng, tiến hành thực hiện các can thiệp điều dưỡng để đạt mục tiêu mong chờ và biết các đánh giá kết quả chăm sóc người bệnh sau khi thực hiện các can thiệp điều dưỡng.</p> <p>Đồng thời với 200 giờ thực hành trên viện, sinh viên sẽ</p>

			<p>được trực tiếp thực tập trên người bệnh các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và các kỹ thuật chuyên khoa khối ngoại (thay băng rửa vết thương, chăm sóc hệ thống dẫn lưu,..). Khi tham gia thực tập, sinh viên sẽ được trải nghiệm thực tế công việc của mình trong tương lai ở vai trò người điều dưỡng ngoại khoa. Được học cách quản lý thời gian hiệu quả, học thêm trách nhiệm công việc và làm việc chung với áp lực.</p>
	Thực tế tốt nghiệp: chăm sóc sức khỏe phụ nữ - bà mẹ và gia đình		<p>Đây là học phần chuyên về thực hành lâm sàng Bệnh viện. Thực hành các kiến thức, kỹ năng đã học của học phần chăm sóc sức khỏe Phụ nữ, Bà mẹ và Gia đình 1 và 2 và thực tế lâm sàng trong chăm sóc sản phụ, trẻ sơ sinh và người bệnh sản phụ khoa; dân số, kế hoạch hóa gia đình.</p> <p>Là học phần bắt buộc để sinh viên rèn luyện kỹ năng tay nghề và hình thành các năng lực thực hiện các quy trình chăm sóc sản phụ, trẻ sơ sinh và người bệnh sản phụ khoa, dân số, kế hoạch hóa gia đình nhằm định hướng làm việc tại khoa sản hoặc bệnh viện phụ sản sau khi tốt nghiệp.</p>
	Thực tế tốt nghiệp: Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa		<p>Học phần chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh nội khoa phần thực tập bệnh viện cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho người lớn bị các bệnh nội khoa thông thường và phức tạp, chuyên biệt. Qua đó giúp sinh viên tự tin khi tiến hành chăm sóc cho người bệnh nội khoa tại bệnh viện và cộng đồng một cách hiệu quả, an toàn.</p> <p>Phần thực hành bệnh viện bao gồm 90 tiết thực tập trong 1 tuần tại bệnh viện. Tại bệnh viện sinh viên thực tập các kỹ thuật Điều dưỡng cơ sở 1 và 2 (các kỹ thuật này sẽ được chấm điểm theo tiêu chí chấm điểm tay nghề đã được xây dựng sẵn); chăm sóc bệnh nhân, nhận định tình trạng bệnh nhân và lập các kế hoạch chăm sóc trên bệnh nhân Sinh viên làm các kỹ thuật, thủ thuật trên người bệnh dưới sự hướng dẫn, giám sát của các Điều dưỡng viên lâm sàng tại bệnh viện, Giảng viên phụ trách. Sinh viên tham gia trực theo sự phân công của giảng viên hướng dẫn lâm sàng.</p>
56	Khóa luận tốt nghiệp	6 (0-180-120)	<p>Học phần khóa luận tốt nghiệp áp dụng khi sinh viên đủ tiêu chuẩn thực hiện khóa luận tốt nghiệp và đăng ký thực hiện khóa luận tốt nghiệp (theo hướng dẫn của nhà trường)</p> <p>Học phần khóa luận tốt nghiệp trang bị và củng cố cho sinh viên các kiến thức về kỹ năng tiếp cận và thực hiện nghiên cứu khoa học, vận dụng các kiến thức về nghiên</p>

			cứ khoa học và bệnh học đã học để hoàn thành đề tài nghiên cứu đã chọn
	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	6 (90-0-315)	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp áp dụng khi sinh viên không đủ tiêu chuẩn thực hiện khóa luận tốt nghiệp hoặc đăng ký học học phần thay thế. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp là môn học tổng hợp lại các kiến thức đã học, củng cố logic, cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng chẩn đoán, chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho người lớn bị các bệnh nội khoa, ngoại khoa nâng cao Qua đó giúp sinh viên tự tin khi tiến hành chăm sóc cho người bệnh sau khi tốt nghiệp tại bệnh viện và cộng đồng một cách hiệu quả, an toàn.
57	CSSK người lớn bệnh nội khoa – nhi khoa nâng cao	3 (45-0-105)	Học phần củng cố và cung cấp thêm những kiến thức mới về lâm sàng cho sinh viên bao gồm cả về các quy trình kỹ thuật và bệnh học nội khoa, nhi khoa. Sinh viên sẽ thực hiện lập kế hoạch chăm sóc hoàn chỉnh dựa trên các tình huống sẵn có và thực hiện bình kế hoạch chăm sóc người lớn bệnh nội khoa, nhi khoa.
58	CSSK người lớn có bệnh ngoại khoa – sản khoa nâng cao	3 (45-0-105)	Học phần củng cố và cung cấp thêm những kiến thức mới về lâm sàng cho sinh viên bao gồm cả về các quy trình kỹ thuật và bệnh học ngoại khoa, sản khoa. Sinh viên sẽ thực hiện lập kế hoạch chăm sóc hoàn chỉnh dựa trên các tình huống sẵn có và thực hiện bình kế hoạch chăm sóc người lớn bệnh ngoại khoa, sản khoa.

8. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

8.1. Những căn cứ xây dựng và phát triển CTĐT:

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình độ của giáo dục đại học;

Căn Cứ Quyết định số: 436/QĐ-TTg ngày 30/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Khung trình độ quốc gia Việt Nam đối với các trình độ của giáo dục đại học, giai đoạn 2020 – 2025;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/03/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 4890/QĐ-BGDĐT, ngày 23/12/2019 V/v phê duyệt chương trình, giáo trình sử dụng chung các môn LL chính trị đối với đào tạo trình độ đại học các ngành không chuyên về LL chính trị của Bộ GD&ĐT;

8.2 Hướng dẫn sinh viên định hướng hoàn thành chương trình:

Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định của Trường Đại học Hòa Bình về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ:

- Chương trình đào tạo bao gồm 134 tín chỉ các học phần tích lũy và 12 tín chỉ các học phần không tích lũy.

- Thời gian hoàn thành chương trình là 4 năm và được chia thành 8 học kỳ mỗi học kỳ 15 tuần.

- Các học phần được bố trí vào các học kỳ phải tuân thủ điều kiện tiên quyết của học phần và khối kiến thức.

- Học kỳ 8: Học phần tự chọn, thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp/ học phần thay thế. Sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận theo quy định của Nhà trường sẽ làm khóa luận. Thời gian làm khóa luận là 6 tín chỉ. Những sinh viên không làm khóa luận sẽ học các học phần thay thế với tổng thời gian là 6 tín chỉ.

Trong quá trình học tập, sinh viên có thể xin học rút ngắn hoặc học kéo dài thời gian theo quy định của Bộ GD & ĐT và của Nhà trường.

Điều kiện tốt nghiệp tuân thủ quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ của trường Đại học Hòa Bình. Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần bắt buộc cũng như số học phần tự chọn theo yêu cầu của chương trình đào tạo. Tổng lượng kiến thức là 134 tín chỉ bao gồm cả thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp (không bao gồm học phần Quốc phòng – An ninh và giáo dục thể chất).

Công nhận tốt nghiệp: Những sinh viên hoàn thành chương trình học tập 134 tín chỉ tích lũy và 12 tín chỉ không tích lũy được Hội đồng xét tốt nghiệp của Nhà trường xem xét công nhận tốt nghiệp với điều kiện:

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 (tính theo thang điểm 4.0) trở lên.

- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất.

- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm cuối.

8.3. Trách nhiệm của Bộ môn/Khoa/Trường

- Để sinh viên có định hướng hoàn thành tốt chương trình đào tạo, vào đầu mỗi khóa học, lãnh đạo khoa, giảng viên gặp sinh viên hướng dẫn, trao đổi với sinh viên về mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT, điều kiện tốt nghiệp, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, nội quy học tập, phương thức đánh giá kết quả học tập từng loại học phần và toàn khóa học.

- Để sinh viên tiếp thu tốt kiến thức, trong quá trình thực hiện CTĐT, Khoa/Nhà trường xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ, từng năm học và toàn khóa học thỏa mãn yêu cầu môn học, học phần tiên quyết, môn học, học phần học trước và học song song. Khoa, Bộ môn thường xuyên trao đổi với giảng viên phụ trách học phần về chuẩn bị bài giảng và dự giờ giảng.

- Khoa và Nhà trường đảm bảo cơ sở vật chất cho việc thực hiện CTĐT: Trước mỗi học kỳ, khoa có trách nhiệm dự trù hóa chất, thuốc thử cho chương trình thực tập trong học kỳ, kế hoạch bảo dưỡng, bổ sung trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm trong trường, xây dựng kế hoạch cho sinh viên đi thực tập, thực tế tại các cơ sở ngoài trường.

8.4. Trách nhiệm của giảng viên/CVHT, sinh viên

- Đội ngũ cố vấn học tập luôn đi sát nắm bắt tinh thần học tập, khó khăn, nguyện vọng của sinh viên để có hướng giúp đỡ, hỗ trợ sinh viên kịp thời.

- Sinh viên có trách nhiệm thực hiện tốt nội quy, quy chế học tập, tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa của Nhà trường, của đoàn thể. Khi có khó khăn, sinh viên phản ánh ý kiến qua lớp, qua cố vấn học tập hoặc trực tiếp gặp lãnh đạo khoa, lãnh đạo Nhà trường để giảng viên, khoa, Nhà trường có thể giúp đỡ kịp thời, tạo điều kiện để sinh viên hoàn thành CTĐT đúng tiến độ. *me*

Nơi nhận:

- CT HĐT (để báo cáo);
- Các PHT (để chỉ đạo);
- Các đơn vị liên quan (để thực hiện);
- Các Khoa/ Bộ môn (để thực hiện);
- Công TTĐT của Trường (để thông báo);
- Lưu VT, P.ĐTĐH&SDH.



HIỆU TRƯỞNG

NGND.PGS.TS Tô Ngọc Hưng